CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: **23/2020/VINABECO-TCBSP**

I. Thông tin về tổ chức công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Việt Nam**

Địa chỉ: Lô 11 - BT04, Khu Đô Thị mới Cầu Bươu, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Điện thoại: 024.2023 0808 Fax: 024.3311.5151

Email: admin@vinabeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0104504749

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Sản phẩm nhập khẩu không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

II. Thông tin về sản phẩm

1. ***Tên sản phẩm***: **CHẤT HỖ TRỢ CHẾ BIẾN: ALPHALASE® ADVANCE 4000**
2. ***Thành phần:*** Glycerol E422, Nước, Enzyme Acetolactate Decarboxylase EC 4.1.1.5 (1-5%), Natri lactate E325 (1,01-1,23%), Chất bảo quản [Natri benzoate INS211 (0,27-0,33%), Kali sorbate INS 202 (0,09-0,11%)].

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

- *Quy cách đóng gói:*

  5 kg can.

- *Chất liệu bao bì*

  Can đựng sản phẩm bằng nhựa, phù hợp với tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Bỉ.
- Sản xuất tại: Genencor International BVBA

Địa chỉ: Komvest 43, 8000 Brugge, Belgium.

- Nhà cung cấp: Danisco Singapore PTE., LTD

Địa chỉ: 21 Biopolis Road, #06-21 Nucleos, South Tower Singapore 138567.

- Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm:

Tên: Công ty Cổ phần Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Việt Nam

Địa chỉ: Lô 11 - BT04, Khu ĐTM Cầu Bươu, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì , Hà Nội.

Điện thoại: 024.2023.0808

Fax: 024.3311.5151

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (đính kèm hồ sơ).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm ./.

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Viết Thắng

Tên: **Công ty Cổ phần Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Việt Nam**
Địa chỉ: Lô 11 - BT04, Khu ĐTM Cầu Bươu, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì , Hà Nội.
Điện thoại: 024.2023 0808
Fax: 024 3311 5151

M.S.D.N: 0104504749 - C.T.C. CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIA NƯỚC GIẢI KHÁT VIỆT NAM H. THANH TRÌ - T.P HÀ NỘI

NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

CHẤT HỖ TRỢ CHẾ BIẾN:
ALPHALASE® ADVANCE 4000
(Dùng cho thực phẩm)

Thành phần: Glycerol E422, Nước, Enzyme Acetolactate Decarboxylase EC 4.1.1.5 (1-5%), Natri lactate E325 (1,01-1,23%), Chất bảo quản [Natri benzoate INS211 (0,27-0,33%), Kali sorbate INS 202 (0,09-0,11%)]

Thời hạn sử dụng: 24 tháng từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên nhãn sản phẩm

Hướng dẫn sử dụng: Enzyme – chất hỗ trợ chế biến dùng trong sản xuất bia. Làm giảm hàm lượng Diacetyl trong quá trình sản xuất bia.

Hướng dẫn sử dụng: Theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô mát (nhiệt độ ≤ 10°C/50°F), tránh ánh sáng chiếu trực tiếp.

Khối lượng tịnh: 5kg

Xuất xứ: Bỉ.

Sản xuất tại: Genencor International BVBA
Địa chỉ: Komvest 43, 8000 Brugge, Belgium.

Nhà cung cấp: Danisco Singapore PTE., LTD

Địa chỉ: 21 Biopolis Road, #06-21 Nucleos, South Tower Singapore 138567.

Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty CP Công Nghệ Bia Rượu Nước Giải Khát Việt Nam

Đ/C: Lô 11-BT04, KĐTM Cầu Bươu, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Tp Hà Nội, Việt Nam

Tel: 024 33 545352 | **Fax**: 024 3311 5151 |

Số bản tự công bố: 23/2020/VINABECO-TCBSP

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIỆT NAM
M.S.D.N: 0104504749 - C.T.C.P
H. THANH TRÌ - TP HÀ NỘI

DANISCO

ALPHALASE® Advance 4000
Acetolactatedecarboxylase (ALDC)

Material Number:	**A14133G133**
Batch Number:	**4863617427**
Net content:	**5 KG**
Production Date:	**06.01.2020**
Best before Date:	**05.01.2022**
Storage:	**Keep Cool**

EN41256: Acetolactate Decarboxylase minimum activity: 3800-4950 DADU/g.
Designated for use in manufacture of food products and not for retail sale.

G-066

Manufactured in Belgium; Genencor International BVBA;Komvest 43 8000 Brugge BE

ENZYME PROTEIN / ENZYME PROTINA / โปรตีนเอนไซม์
酵素タンパク質 / ENZIM PROTEIN / 酶蛋白

EN: Danger

May cause allergy or asthma symptoms or breathing difficulties if inhaled. Avoid breathing dust/fume/-gas/mist/vapours/spray. In case of inadequate ventilation wear respiratory protection. IF INHALED: Remove victim to fresh air and keep at rest in a position comfortable for breathing.If experiencing respiratory symptoms: Call a POISON CENTER or doctor/physi-cian.

请参阅材料安全数据表

CH: 危险

吸入可能导致过敏或哮喘症状或呼吸困难.

避免吸入粉尘/烟气/气体/烟雾/蒸汽/喷雾.
如通风不足，须戴呼吸防护装置.
如误吸入：将人转移到空气新 鲜处，保持呼吸舒适体位.
如有呼吸系统病症：呼叫解毒中心或医生.

โปรดดูเอกสารข้อมูลความปลอดภัย

TH: อันตราย

อาจทำให้เกิดอาการแพ้หรือหอบหืดหรือหายใจลำบากหากสูดดม/หายใจเข้าไป.

หลีกเลี่ยงการหายใจเอาฝุ่น/ควันไอ/ก๊าซ/ละอองเหลว/ไอระเหย/ละอองฉีดพ่น เข้าสู่ร่างกาย.
ในกรณีที่มีการระบายอากาศไม่เพียงพอ
ให้สวมอุปกรณ์ป้องกันระบบทางเดินหายใจ.
หากสูดดม/หายใจเข้าไป:
ให้เคลื่อนย้ายผู้ป่วยไปยังบริเวณที่มีอากาศบริสุทธิ์
และให้นอนพักในท่าที่หายใจ
ได้สะดวก.
หากระบบทางเดินหายใจมีอาการผิดปกติ:
ให้โทรศัพท์ติดต่อศูนย์พิษวิทยาหรือแพทย์.

Sila rujuk Risalah Data Keselamatan Bahan

ML: BAHAYA

Mungkin menyebabkan simptom alergi atau asma atau kesukaran bernafas jika tersedut.Elakkan daripada tersedut habuk/wasap/gas/kabus/wap/semburan.Mun-gkin menyebabkan simptom alergi atau asma atau kesukaran bernafas jika tersedut.JIKA TERSEDUT: Pindahkan mangsa ke kawasan berudara segar dan biarkan mangsa dalam keadaan rehat supaya mangsa dapat bernafas dengan selesa.Jika mengalami gejala pernafasan: Hubungi PUSAT RACUN atau doktor/pakar perubatan.

Silakan merujuk pada Lembar Data Keselamatan Bahan

ID: BAHAYA

Bisa menyebabkan gejala alergi atau asma atau kesulitan bernapas jika terhirup.

Hindari menghirup debu/asap/gas/kabut/uap/sempro-tan.Jika ventilasi tidak memadai, kenakan alat pelindung pernapasan.JIKA TERHIRUP: Pindahkan korban ke udara segar dan istirahatkan dalam posisi yang nyaman untuk bernapas.Jika mengalami gejala pernapasan: Hubungi PUSAT INFORMASI RACUN atau dokter.

Vui lòng tham khảo các tài liệu an toàn

VI: NGUY HIỂM

Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở khi hít phải.Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt.Trong trường hợp thiếu thông khí, phải sử dụng phương tiện bảo vệ đường hô hấp.KHI HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở.Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.

安全データシートを参考にしてください

JP: 危険

吸入するとアレルギー、ぜん（喘）
息又は呼吸困難を起こすおそれ。

粉じん/煙/ガス/ミスト/蒸気/スプレーの吸入を避けること。
換気が不十分な場合には呼吸用保護具を着用すること。
吸入した場合：空気の新鮮な場所に移し、
呼吸しやすい姿勢で休息させること。
呼吸に関する症状が出た場合：医師に連絡すること。

Danisco Singapore Pte Ltd, 21 Biopolis Road
#06-21 Nucleos, South Tower,
Singapore 138567
Emergency phone : +32 (0) 50 44 91 73

ダニスコジャパン株式会社
インダストリアルバイオサイエンス事業部
〒100-6111 東京都千代田区永田町2丁目11番1号山王パークタワー
緊急連絡先TEL: 03-5521-2302

DuPont Industrial Biosciences
Bioactives, Food Enzymes
foodenzymes@dupont.com
www.food.dupont.com

Có hiệu lực từ: 16/12/2019

DANISCO
First you add knowledge...

MÔ TẢ SẢN PHẨM - PD 268029-3.0EN

ALPHALASE® Advance 4000

Mô tả

ALPHALASE® Advance 4000 là một chế phẩm enzyme alpha-acetolactate decarboxylase được sản xuất bởi phương pháp lên men bằng chủng *Bacillus subtilis* chọn lọc.

Phạm vi ứng dụng

Sản xuất bia

Lợi ích tiềm năng

- Rút ngắn và đồng nhất giai đoạn tàng trữ
- Hàm lượng Diacetyl đạt dưới ngưỡng ở cuối quá trình lên men
- Phù hợp trong phạm vi rộng các phương thức sản xuất bia và điều kiện sản xuất khác nhau

Liều lượng sử dụng

Tỷ lệ sử dụng thông thường: 0,5 – 1,0 g/hl dịch hèm

Hướng dẫn sử dụng

Bổ sung vào thiết bị lên men, ALPHALASE® Advance 4000 nên được bổ sung vào vào dịch hèm lạnh trước khi tiếp men.

Thành phần

ALPHALASE® Advance 4000 được sản xuất từ:

• Glycerol	45 - 55 % (w/w)
• Nước	38 - 53 % (w/w)
• Acetolactate Decarboxylase	1 - 5 % (w/w)
• Natri lactate	1,01 – 1,23 % (w/w)
• Natri benzoate	0,27 – 0,33 % (w/w)
• Kali sorbate	0,09 – 0,11 % (w/w)

Đặc điểm lý/hóa

Trạng thái vật lý	Lỏng
Màu*	Nâu sáng
Tỷ trọng	Khoảng 1.15 kg/l
Hoạt tính	3800-4950 DADU/g

*Màu sắc có thể thay đổi theo từng mẻ

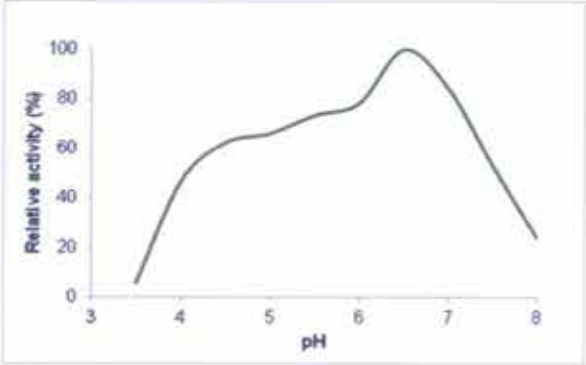

pH tối ưu của Alphalase Advance 4000 trong dịch hèm ở 10°C.

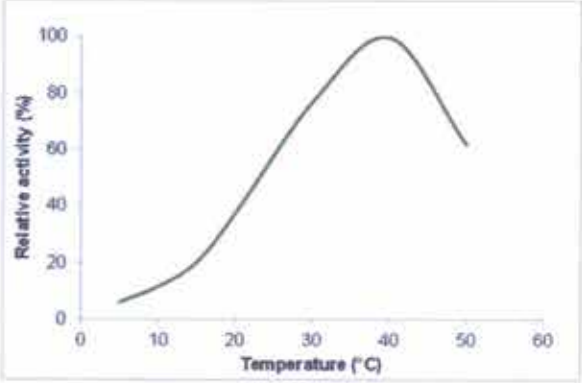

Nhiệt độ hoạt động của Alphalase Advance 4000 trong dịch hèm ở pH 4,0

Nội dung thông tin trong ấn phẩm này được dựa trên công trình nghiên cứu và phát triển của chúng tôi và trong phạm vi kiến thức đáng tin cậy của chúng tôi. Tuy nhiên, người dùng nên tiến hành các thử nghiệm riêng để xác định sự tương hợp của sản phẩm với từng mục đích cụ thể và tình trạng pháp lý về mục đích sử dụng sản phẩm. Báo cáo trong tài liệu này không nên được xem là sự bảo đảm dưới bất cứ hình thức nào, nếu rõ hay có ngụ ý và không chịu trách nhiệm về các hành vi xâm phạm bất cứ bằng sáng chế nào.

DuPont Industrial Biosciences
Bioactives, Food Enzymes
foodenzymes@dupont.com
www.food.dupont.com

Có hiệu lực từ: 16/12/2019

DANISCO
First you add knowledge...

MÔ TẢ SẢN PHẨM - PD 268029-3.0EN

ALPHALASE® Advance 4000

Đặc điểm vi sinh vật

Tổng số VSV đếm được	Ít hơn 1000 /ml
Coliforms	Ít hơn 15 /ml
E. coli	Không có trong 25 ml
Salmonella	Không có trong 25 ml
Vi khuẩn axit lactic	Ít hơn 5 /ml
Nấm men	Ít hơn 10 /ml
Nấm mốc	Ít hơn 10 /ml
Hoạt tính kháng khuẩn	Kiểm tra âm tính

Thông số kỹ thuật kim loại nặng

Asen	Ít hơn 3 mg/kg
Chì	Ít hơn 5 mg/kg
Cadimi	Ít hơn 0,5 mg/kg
Thủy ngân	Ít hơn 0,5 mg/kg

Thông số dinh dưỡng

Giá trị tính toán dựa trên 100g chế phẩm điển hình

Năng lượng	208/867 kcal/kJ
Chất béo	Ít hơn 1 g
Protein	Ít hơn 5 g
Carbohydrates	45-55 g
- Chất xơ	0 g
- Đường bổ sung	0 g
Độ ẩm	38-53 g
Tro	Ít hơn 5 g
Natri	278 mg
Kali	26 mg
Magie	0 mg
Canxi	0 mg

*Các thông số vi lượng khác không liệt kê bao gồm Vit A, Vit C, Vit D, Sắt... coi như có giá trị không.

Bảo quản

ALPHALASE® Advance 4000 nên được bảo quản trong điều kiện khô mát (cao nhất 10°C/50°F) và tránh ánh sáng chiếu trực tiếp.

Quy cách đóng gói

1125 kg trong tank chứa trong suốt
25 kg can nhựa plastic
5 kg can nhựa plastic

Luật pháp và tình trạng pháp lý

ALPHALASE® Advance 4000 đáp ứng các đặc điểm kỹ thuật do Ủy ban Chuyên gia Hỗn hợp của FAO/WHO về phụ gia thực phẩm (JECFA) và Tiêu chuẩn Codex cho hóa chất thực phẩm (FCC) quy định và được công nhận là sản phẩm an toàn GRAS (Generally Recognized as Safe) tại Hoa Kỳ. Khi sử dụng để làm chất hỗ trợ chế biến theo quy định 21 CFR 101.00, nó có thể được miễn các yêu cầu ghi nhãn của FDA và thường không được dán nhãn.

ALPHALASE® Advance 4000 được hầu hết các quốc gia chấp thuận sử dụng trong thực phẩm. Tuy nhiên, vì luật pháp liên quan đến việc sử dụng sản phẩm trong thực phẩm có thể khác nhau giữa các quốc gia, luôn cần có sự tư vấn về các quy định thực phẩm liên quan đến tình trạng của sản phẩm tại từng địa phương. Những tư vấn về cơ sở pháp lý của sản phẩm là căn cứ để đề xuất yêu cầu.

An toàn và cách xử lý

Enzyme là các protein. Việc phơi nhiễm enzyme có thể gây dị ứng đường hô hấp khi tiếp xúc nhiều, sử dụng các sản phẩm enzyme trong điều kiện thông gió và/hoặc trong các quy trình khép kín. Khuyến nghị nên sử dụng các thiết bị bảo vệ đường hô hấp trong quá trình sản xuất. Tham khảo bảng dữ liệu an toàn (SDS) hoặc liên hệ với Dupont để biết thêm thông tin về sự an toàn enzyme và các cách xử lý.

Chứng nhận Kosher

ALPHALASE® Advance 4000 được cấp chứng nhận Kosher bởi Liên hiệp giáo đoàn Do Thái chính thống Mỹ (OU).

Nội dung thông tin trong ấn phẩm này được dựa trên công trình nghiên cứu và phát triển của chúng tôi và trong phạm vi kiến thức đáng tin cậy của chúng tôi. Tuy nhiên, người dùng nên tiến hành các thử nghiệm riêng để xác định sự tương hợp của sản phẩm với từng mục đích cụ thể và tình trạng pháp lý về mục đích sử dụng sản phẩm. Báo cáo trong tài liệu này không nên được xem là sự bảo đảm dưới bất cứ hình thức nào, nêu rõ hay có ngụ ý và không chịu trách nhiệm về các hành vi xâm phạm bất cứ bằng sáng chế nào.

DuPont Industrial Biosciences
Bioactives, Food Enzymes
foodenzymes@dupont.com
www.food.dupont.com

Có hiệu lực từ: 16/12/2019

DANISCO
First you add knowledge...

MÔ TẢ SẢN PHẨM - PD 268029-3.0EN

ALPHALASE® Advance 4000

Công nghệ sinh học tiên tiến

Các enzyme được sản xuất bằng cách lên men các vi sinh vật mà nó không có trong sản phẩm cuối cùng. Các vi sinh vật đã được tối ưu hóa bằng công nghệ sinh học tiên tiến. Sản phẩm này không chứa các vật liệu biến đổi gene từ vi sinh vật.

Các chất gây dị ứng

Bảng dưới đây cho thấy sự hiện diện (như thành phần được thêm vào) của các chất gây dị ứng và sản phẩm chứa chúng. *Trừ khi có ghi chú khác, các chất gây dị ứng và sản phẩm được liệt kê sau đây đã được sử dụng trong quá trình lên men, quá trình thu hồi hoặc trong công thức của một sản phẩm enzyme:

Có	Không	Các chất gây dị ứng	Mô tả thành phần
	X	Lúa mì	
	X	Các loại ngũ cốc có chứa gluten	
	X	Động vật giáp xác	
	X	Các loại trứng	
	X	Cá	
	X	Đậu phộng	
	(X)	Đậu nành	Đậu nành (được sử dụng trong quá trình lên men)**
	X	Sữa (bao gồm lactose)	
	X	Các loại hoạt bao gồm: hạnh nhân, quả phỉ, Hạt điều, Quả hạch Brazil, Macadamia, quả óc chó, Quả hồ đào, quả hồ trăn, Pinoli và hạt dẻ	
	X	Rau cần tây	
	X	Mù tạt	
	X	Hạt vừng	
	X	Lưu huỳnh dioxide and Các hợp chất sulphite (>10mg/kg)	
	X	Lupin	
	X	Động vật nhuyễn thể	
	X	Mủ cao su thiên nhiên	

* Luật pháp địa phương luôn luôn được tư vấn phải ghi nhãn các chất gây dị ứng có thể khác nhau giữa các quốc gia. ** Dựa trên việc đánh giá rủi ro Dupont Industrial Biosciences kết luận rằng lượng protein đậu nành hoặc protein lúa mì hoặc các đoạn protein trong sản phẩm thực phẩm cuối cùng được giảm thiểu và không có khả năng gây rủi ro cho người tiêu dùng cuối cùng. https://amfep.org/_library/_files/amfep-statement-on-labelling-of-substances-allergies-or-intolerances-present-in-food-enzyme-preparations.pdf

Nội dung thông tin trong ấn phẩm này được dựa trên công trình nghiên cứu và phát triển của chúng tôi và trong phạm vi kiến thức đáng tin cậy của chúng tôi. Tuy nhiên, người dùng nên tiến hành các thử nghiệm riêng để xác định sự tương hợp của sản phẩm với từng mục đích cụ thể và tình trạng pháp lý về mục đích sử dụng sản phẩm. Báo cáo trong tài liệu này không nên được xem là sự bảo đảm dưới bất cứ hình thức nào, nếu rõ hay có ngụ ý và không chịu trách nhiệm về các hành vi xâm phạm bất cứ bằng sáng chế nào.

VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL CENTER FOR FOOD ANALYSIS AND ASSESSMENT (NACEFA)
ISO/IEC 17025 – VILAS 259
Địa chỉ (Add.): 301 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội
Điện thoại (Tel.): (84) 24 38582752 Fax: (84) 24 38587962
Email: nacefa@firi.vn Website: http://www.firi.vn

Số: 0220024-4/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên mẫu: **Alphalase® Advance 4000**
Mô tả mẫu: Đóng lọ 100ml, 03 lọ/ mẫu, bảo quản mát
Số lượng mẫu: 01
Khách hàng: Công ty Cổ phần Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Việt Nam
Địa chỉ: Lô 11 – BT04, khu đô thị mới Cầu Bươu, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Ngày nhận mẫu: 26/02/2020
Thời gian thử nghiệm: 27/02/2020 - 09/03/2020
Kết quả:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử
01	Tỷ trọng (20^0C)	-	**1,134**	Cân tỉ trọng
02	pH	-	**4,80**	pH meter
03	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	**KPH (LOD = 0,015 mg/l)**	AOAC 986.15
04	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	**KPH (LOD = 0,005 mg/l)**	AOAC 999.11
05	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	**KPH (LOD = 0,002 mg/l)**	AOAC 999.11
06	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	**KPH (LOD = 0,015 mg/l)**	AOAC 971.21
07**	Vi khuẩn acid lactic	CFU/ml	**KPH (LOD = 1 CFU/ml)**	TCVN 7906 : 2008
08**	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	**KPH (LOD = 1 CFU/ml)**	ISO 4833-1 : 2013
09**	Coliforms	CFU/ml	**KPH (LOD = 1 CFU/ml)**	TCVN 6848 : 2007
10**	*E.coli*	CFU/ml	**KPH (LOD = 1 CFU/ml)**	TCVN 7924-2 : 2008
11**	*Salmonella*	/25g	**Không phát hiện**	ISO 6579-1 : 2017
12**	Tổng số nấm men, mốc	CFU/ml	**KPH (LOD = 1 CFU/ml)**	TCVN 8275-1 : 2010

Ghi chú: ***KPH- Không phát hiện: Là giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử.***

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020
GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA

Lê Văn Trọng

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp*
2. *Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu*
3. *Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia*
4. *Chỉ tiêu (*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (**): được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
5. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.*

DANISCO

BẢN DỊCH

ALPHALASE® Advance 4000

Acetolactatedecarboxylase (ALDC)

SỐ NGUYÊN LIỆU: A14133G133

SỐ LÔ: 4863617427

KHỐI LƯỢNG TỊNH: 5 KG

NGÀY SẢN XUẤT: 06.01.2020

HẠN SỬ DỤNG: 05.01.2022

BẢO QUẢN: GIỮ LẠNH

EN41256: Hoạt lực Acetolactate Decarboxylase tối thiểu: 3800-4950 DADU/g

Được chỉ định để sử dụng trong sản xuất các sản phẩm thực phẩm và không để bán lẻ.

Sản xuất tại Bỉ: Genencor International BV; Komvest 43 8000 Brugge BE

G-066

Vui lòng tham khảo các tài liệu an toàn

VI: NGUY HIỂM

Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở khi hít phải.Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt.Trong trường hợp thiếu thông khí, phải sử dụng phương tiện bảo vệ đường hô hấp.KHI HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở.Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.

Vui lòng tham khảo các tài liệu an toàn

VI: NGUY HIỂM

Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở khi hít phải.Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt.Trong trường hợp thiếu thông khí, phải sử dụng phương tiện bảo vệ đường hô hấp.KHI HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở.Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.

Vui lòng tham khảo các tài liệu an toàn

VI: NGUY HIỂM

Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở khi hít phải.Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt.Trong trường hợp thiếu thông khí, phải sử dụng phương tiện bảo vệ đường hô hấp.KHI HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở.Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.

Vui lòng tham khảo các tài liệu an toàn

VI: NGUY HIỂM

Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở khi hít phải.Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt.Trong trường hợp thiếu thông khí, phải sử dụng phương tiện bảo vệ đường hô hấp.KHI HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở.Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.

Vui lòng tham khảo các tài liệu an toàn

VI: NGUY HIỂM

Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở khi hít phải.Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt.Trong trường hợp thiếu thông khí, phải sử dụng phương tiện bảo vệ đường hô hấp.KHI HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở.Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.

Vui lòng tham khảo các tài liệu an toàn

VI: NGUY HIỂM

Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở khi hít phải.Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt.Trong trường hợp thiếu thông khí, phải sử dụng phương tiện bảo vệ đường hô hấp.KHI HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở.Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.

Vui lòng tham khảo các tài liệu an toàn

VI: NGUY HIỂM

Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở khi hít phải.Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt.Trong trường hợp thiếu thông khí, phải sử dụng phương tiện bảo vệ đường hô hấp.KHI HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở.Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.

Danisco Singapore Pte Ltd, 21 Biopolis Road
#06-21 Nucleos, South Tower,
Singapore 138567
Số điện thoại : +32 (0) 50 44 91 73

Danisco Singapore Pte Ltd, 21 Biopolis Road
#06-21 Nucleos, South Tower,
Singapore 138567
Số điện thoại : +32 (0) 50 44 91 73

Tôi, Đinh Thị Hòe, CMND số: 186820408 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 29/05/2013; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng **Anh sang tiếng Việt**.

Người dịch

Đinh Thị Hòe

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 02 tháng 02 năm 2023 (Ngày mồng hai tháng hai năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, Nguyễn Thị Thủy - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Đinh Thị Hòe, CMND số: 186820408 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 29/05/2013, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng **Anh sang tiếng Việt** .
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đinh Thị Hòe;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 03 bản chính, mỗi bản gồm 03 tờ, 03 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 285 **Quyển số: 01 /2023 TP/CC-SCC/BD**

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: 80 - C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Thị Thủy

DANISCO

ALPHALASE® Advance 4000
Acetolactatedecarboxylase (ALDC)

Material Number:	A14133G133
Batch Number:	4863617427
Net content:	5 KG
Production Date:	06.01.2020
Best before Date:	05.01.2022
Storage:	Keep Cool

EN41256: Acetolactate Decarboxylase minimum activity: 3800-4950 DADU/g.
Designated for use in manufacture of food products
and not for retail sale.

G-066

Manufactured in Belgium; Genencor International BVBA;Komvest 43 8000 Brugge BE

ENZYME PROTEIN / ENZYME PROTINA / โปรตีนเอนไซม์
酵素タンパク質 / ENZIM PROTEIN / 酶蛋白

EN: Danger

May cause allergy or asthma symptoms or breathing difficulties if inhaled. Avoid breathing dust/fume/-gas/mist/vapours/spray. In case of inadequate ventilation wear respiratory protection. IF INHALED: Remove victim to fresh air and keep at rest in a position comfortable for breathing.If experiencing respiratory symptoms: Call a POISON CENTER or doctor/physi-cian.

请参阅材料安全数据表

CH: 危险

吸入可能导致过敏或哮喘症状或呼吸困难.

避免吸入粉尘/烟气/气体/烟雾/蒸汽/喷雾.
如通风不足，须戴呼吸防护装置.
如果吸入：将人转移到空气新鲜处，保持呼吸舒适体位.
如有呼吸系统病症：呼叫解毒中心或医生.

โปรดดูเอกสารข้อมูลความปลอดภัย

TH: อันตราย

อาจทำให้เกิดอาการแพ้หรือหอบหืดหรือหายใจลำบากหากสูดดม/หายใจเข้าไป.

หลีกเลี่ยงการหายใจเอาฝุ่น/ควันไอ/ก๊าซ/ละอองเหลว/ไอระเหย/ละอองฉีดพ่น เข้าสู่ร่างกาย.
ในกรณีที่มีการระบายอากาศไม่เพียงพอ
ให้สวมอุปกรณ์ป้องกันระบบทางเดินหายใจ.
หากสูดดม/หายใจเข้าไป:
ให้เคลื่อนย้ายผู้ป่วยไปยังบริเวณที่มีอากาศบริสุทธิ์
และให้นอนพักในท่าที่หายใจ
ได้สะดวก.
หากระบบทางเดินหายใจมีอาการผิดปกติ:
ให้โทรศัพท์ติดต่อศูนย์พิษวิทยาหรือแพทย์.

Sila rujuk Risalah Data Keselamatan Bahan

ML: BAHAYA

Mungkin menyebabkan simptom alergi atau asma atau kesukaran bernafas jika tersedut.Elakkan daripada tersedut habuk/wasap/gas/kabus/wap/semburan.Mun-gkin menyebabkan simptom alergi atau asma atau kesukaran bernafas jika tersedut.JIKA TERSEDUT: Pindahkan mangsa ke kawasan berudara segar dan biarkan mangsa dalam keadaan rehat supaya mangsa dapat bernafas dengan selesa.Jika mengalami gejala pernafasan: Hubungi PUSAT RACUN atau doktor/pakar perubatan.

Silakan merujuk pada Lembar Data Keselamatan Bahan

ID: BAHAYA

Bisa menyebabkan gejala alergi atau asma atau kesulitan bernapas jika terhirup.

Hindari menghirup debu/asap/gas/kabut/uap/sempro-tan.Jika ventilasi tidak memadai, kenakan alat pelindung pernapasan.JIKA TERHIRUP: Pindahkan korban ke udara segar dan istirahatkan dalam posisi yang nyaman untuk bernapas.Jika mengalami gejala pernapasan: Hubungi PUSAT INFORMASI RACUN atau dokter.

Vui lòng tham khảo các tài liệu an toàn

VI: NGUY HIỂM

Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở khi hít phải.Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt.Trong trường hợp thiếu thông khí, phải sử dụng phương tiện bảo vệ đường hô hấp.KHI HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở.Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ.

安全データシートを参考にしてください

JP: 危険

吸入するとアレルギー、ぜん（喘）
息又は呼吸困難を起こすおそれ。

粉じん/煙/ガス/ミスト/蒸気/スプレ-の吸入を避けること。
換気が不十分な場合には呼吸用保護具を着用すること。
吸入した場合：空気の新鮮な場所に移し、
呼吸しやすい姿勢で休息させること。
呼吸に関する症状が出た場合：医師に連絡すること。

Danisco Singapore Pte Ltd, 21 Biopolis Road
#06-21 Nucleos, South Tower,
Singapore 138567
Emergency phone : +32 (0) 50 44 91 73

ダニスコジャパン株式会社
インダストリアルバイオサイエンス事業部
〒100-6111 東京都千代田区永田町2丁目11番1号山王パークタワー
緊急連絡先TEL: 03-5521-2302